

Số: 65/2017/QĐ-UBND

An Giang, ngày 25 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông trên địa bàn tỉnh An Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2012 về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 10/2011/TT-BTTTT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về viễn thông;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BXD ngày 02 tháng 4 năm 2013 của Bộ Xây dựng ban hành Mẫu hợp đồng sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật và hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

Căn cứ Thông tư số 14/2013/TT-BTTTT ngày 21 tháng 6 năm 2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy

hoạch hạ tầng viễn thông thụ động;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2013 giữa Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng và Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT ngày 27 tháng 12 năm 2013 giữa Bộ Xây dựng, Bộ Công thương và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 55/TTr-STTTT ngày 9 tháng 8 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 10 năm 2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (đề t/h);
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản, Cục Kiểm soát TTHC – Bộ TP;
- TT. TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đài PTTH An Giang, Báo An Giang;
- Công TTĐT Chính phủ, Công TTĐT tỉnh;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Phòng: TH, KGVX, KTTH, NC;
- TT CB-TH (đăng công báo);
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Bình

QUY ĐỊNH
Về xây dựng, quản lý và sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông
trên địa bàn tỉnh An Giang
(Ban hành kèm theo Quyết định số 65/2017/QĐ-UBND
ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc xây dựng, quản lý, sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng, quản lý và sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông trên địa bàn tỉnh An Giang.
2. Các tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng quy hoạch các khu đô thị, khu dân cư, nhà cao tầng, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu du lịch, khu kinh tế và các công trình công cộng khác.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. “Hạ tầng kỹ thuật viễn thông” theo quy định tại Khoản 5 Điều 3 tại Thông tư số 14/2013/TT-BTTTT ngày 21 tháng 6 năm 2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động (sau đây gọi tắt là Thông tư số 14/2013/TT-BTTTT).
2. “Cột ăng ten” theo quy định tại Khoản 7 Điều 3 tại Thông tư số 14/2013/TT-BTTTT.
3. “Cáp viễn thông” theo quy định tại Mục 1.4.2 tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 33:2011/BTTTT ban hành kèm theo Thông tư số 10/2011/TT-BTTTT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về viễn thông.
4. “Tuy nen kỹ thuật” theo Quy định tại Khoản 10 Điều 2 tại Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm.
5. “Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung” theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 tại Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2012 về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật.
6. “Công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông sử dụng chung” được hiểu là công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong lĩnh vực viễn thông.

Điều 4. Định hướng về phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông sử dụng chung

1. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông sử dụng chung nhằm quản lý, khai thác hiệu quả cơ sở hạ tầng.
2. Xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông sử dụng chung phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông của tỉnh An Giang.
3. Đảm bảo cho người sử dụng có quyền tự do lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ viễn thông theo yêu cầu, ngăn chặn việc cạnh tranh không lành mạnh và sự độc quyền trong cung cấp dịch vụ viễn thông.
4. Khuyến khích nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ mới trong triển khai xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông sử dụng chung nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định về kỹ thuật, an toàn, chất lượng công trình và đảm bảo mỹ quan tại các khu vực đô thị, khu du lịch, di tích lịch sử.
5. Khuyến khích áp dụng các quy định tại Điều 7, Điều 8 Quy định này đối với việc xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông tại các khu vực ngoài đô thị.
6. Nghiêm cấm thực hiện các hành vi theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật (sau đây gọi tắt là Nghị định số 72/2012/NĐ-CP).

Điều 5. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động

1. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phải đảm bảo vị trí, phạm vi đáp ứng nhu cầu sử dụng; đảm bảo an toàn, không gây ảnh hưởng đến môi trường và phải đồng bộ với các công trình hạ tầng công cộng khác.
2. Khi quy hoạch xây dựng mới các khu đô thị, khu dân cư, nhà cao tầng, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu du lịch, khu kinh tế và các công trình công cộng khác phải bao gồm nội dung về quy hoạch cho các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông sử dụng chung, ưu tiên cho việc ngầm hóa mạng cáp viễn thông theo các quy hoạch liên quan đến ngầm hóa trên địa bàn tỉnh đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
3. Đối với các khu vực đô thị, khu dân cư, khu thương mại, các công trình công cộng hiện hữu; căn cứ phân cấp quản lý, các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ vào Quy hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt phải lập kế hoạch đầu tư cải tạo, nâng cấp hoặc xây dựng mới công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông sử dụng chung theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP.
4. Tại một địa điểm, hướng, tuyến đã tồn tại hạ tầng kỹ thuật viễn thông, các tổ chức, cá nhân có nhu cầu lắp đặt thiết bị kỹ thuật viễn thông phải phối hợp sử dụng chung hạ tầng đó mà không được xây dựng mới các hạ tầng kỹ thuật viễn thông cùng loại. Trong trường hợp không còn khả năng để sử dụng chung, các tổ chức, cá nhân phối hợp cải tạo, nâng cấp hạ tầng hiện hữu để sử dụng chung. Trường hợp không có khả năng cải tạo thì xem xét việc xây dựng hạ tầng mới.

Chương II

XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

SỬ DỤNG CHUNG

Điều 6. Quy trình, thủ tục đầu tư xây dựng

1. Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông sử dụng chung phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tại Điều 4 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP.

2. Các doanh nghiệp thông tin và truyền thông phải báo cáo kế hoạch xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông hàng năm về Sở Thông tin và Truyền thông chậm nhất là ngày 30 tháng 11 của năm trước, để tổng hợp, điều phối, thống nhất giữa các doanh nghiệp, tránh phát triển, xây dựng chồng chéo gây lãng phí và ảnh hưởng đến quy hoạch chung của tỉnh.

3. Trong trường hợp tại một địa điểm, hướng, tuyến mới có từ 02 (hai) đơn vị trở lên đăng ký đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông, cơ quan có thẩm quyền tổ chức lựa chọn nhà đầu tư theo quy định hiện hành.

Điều 7. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông trong đô thị

1. Thiết kế và xây dựng các hạ tầng kỹ thuật viễn thông ở các khu đô thị phải đảm bảo khả năng sử dụng chung nhằm giảm chi phí đầu tư, tăng hiệu quả sử dụng các công trình.

2. Các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng mạng cáp viễn thông phải có kế hoạch, lộ trình triển khai thực hiện ngầm hóa tại các khu vực đô thị phù hợp với các yêu cầu, quy hoạch của các địa phương và đảm bảo có khả năng sử dụng chung.

3. Đối với các công trình nhà cao tầng, khu chung cư, khu thương mại và các công trình công cộng khác trong khu vực đô thị, chủ đầu tư hoặc đơn vị quản lý phải thiết kế và xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông dùng chung để các doanh nghiệp viễn thông lắp đặt hệ thống thiết bị viễn thông khi có nhu cầu cung cấp dịch vụ.

Điều 8. Xây trạm thu phát sóng thông tin di động

1. Trạm thu phát sóng thông tin di động (sau đây gọi tắt là BTS) phải được xây dựng đúng theo Quy hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đã được UBND tỉnh An Giang phê duyệt.

2. Yêu cầu về kỹ thuật đối với các BTS:

a) Đảm bảo tuân thủ quy định về quản lý độ cao tại Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam.

b) Việc triển khai mới các BTS tại các khu vực đô thị hoặc trên các công trình hiện hữu phải tăng cường sử dụng chung, rút ngắn độ cao đến mức tối thiểu, mở rộng khoảng cách giữa các trạm đến mức tối đa để bảo đảm mỹ quan và an toàn của toàn bộ công trình đó và các khu vực lân cận.

c) Trước khi đưa vào hoạt động, các BTS phải được kiểm tra, kiểm định theo quy định về kiểm định thiết bị viễn thông và đài vô tuyến điện hiện hành và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chương III

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

SỬ DỤNG CHUNG

Điều 9. Sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông

1. Việc sử dụng chung cống cáp, hào và tuy nèn kỹ thuật thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP.

2. Việc sử dụng chung đường đô thị; hầm đường bộ; cống ngầm; cầu đường bộ thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP.

3. Việc sử dụng chung cột ăng ten, cột treo cáp thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP.

4. Việc phối hợp sử dụng chung theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này được thực hiện thông qua hợp đồng sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật.

5. Chủ đầu tư của công trình có thể trực tiếp hoặc uỷ quyền cho đơn vị quản lý vận hành ký hợp đồng sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật với tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng chung theo mẫu được quy định tại Thông tư số 03/2013/TT-BXD ngày 02/4/2013 của Bộ Xây dựng ban hành Mẫu hợp đồng sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật và hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung (sau đây gọi tắt là Thông tư số 03/2013/TT-BXD).

6. Đơn vị có các đường dây, cáp viễn thông và đường ống lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung chịu trách nhiệm đánh dấu dấu hiệu nhận biết theo quy định tại Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT ngày 27/12/2013 giữa Bộ Xây dựng, Bộ Công thương và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

7. Trên các hạ tầng kỹ thuật viễn thông được sử dụng chung phải có niêm yết thông tin: Tên hạ tầng; Địa chỉ; Thông số kỹ thuật cơ bản của hạ tầng; Tên chủ sở hữu; Tên các đơn vị thuê hạ tầng; Tên và số điện thoại đơn vị quản lý vận hành.

Điều 10. Giá thuê hạ tầng kỹ thuật viễn thông sử dụng chung

1. Giá thuê hạ tầng kỹ thuật viễn thông sử dụng chung (sau đây gọi tắt là giá thuê) được xác định bằng các phương pháp theo quy định tại Mục 2 Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT ngày 30/12/2013 giữa Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng và Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT).

2. Giá thuê phải được thông báo cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 6 Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT và niêm yết công khai theo quy định tại Điều 8 Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT.

Điều 11. Vận hành và bảo trì hạ tầng kỹ thuật viễn thông sử dụng chung

1. Chủ đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông sử dụng chung có thể trực tiếp quản lý vận hành hoặc thuê đơn vị quản lý vận hành thông qua hợp đồng quản lý vận hành theo mẫu tại Thông tư số 03/2013/TT-BXD.

2. Chủ sở hữu hoặc đơn vị quản lý vận hành phải tổ chức thực hiện việc kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa hạ tầng theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN

Điều 12. Sở Thông tin và Truyền thông

1. Chủ trì tổ chức tuyên truyền, triển khai phổ biến các quy định pháp luật về quản lý sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông trên địa bàn tỉnh.

2. Chậm nhất là cuối tháng 01 hàng năm, thông báo kế hoạch tổng hợp về việc xây dựng mới hạ tầng kỹ thuật viễn thông của các doanh nghiệp đến Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

3. Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ngành và địa phương triển khai, thực hiện quy hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông có liên quan đến sử dụng chung trên địa bàn tỉnh trong từng giai đoạn theo quy hoạch được phê duyệt. Hàng năm, tổ chức sơ kết đánh giá và điều chỉnh kịp thời để phù hợp với sự phát triển.

4. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan giải quyết các vướng mắc, tranh chấp trong việc sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông trên địa bàn tỉnh.

5. Tham gia ý kiến về phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông của các quy hoạch xây dựng mới các khu đô thị, khu dân cư, nhà cao tầng, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu du lịch, khu kinh tế và các công trình công cộng khác. Phối hợp với các Sở, Ban, Ngành và địa phương triển khai thực hiện các kế hoạch ngầm hóa hạ tầng kỹ thuật viễn thông trên địa bàn tỉnh.

6. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, quản lý và sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông trong lĩnh vực ngành quản lý.

Điều 13. Sở Xây dựng

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện các thủ tục về xin phép xây dựng và cấp phép xây dựng đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông sử dụng chung theo thẩm quyền. Có kế hoạch, lộ trình thực hiện ngầm hóa các mạng cáp tại các khu vực đô thị, các trục

giao thông phù hợp với quy hoạch, yêu cầu chỉnh trang đô thị của địa phương và đảm bảo có khả năng sử dụng chung.

2. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong việc xây dựng quy hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông có liên quan đến sử dụng chung hạ tầng ngầm trên địa bàn tỉnh.

3. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan có liên quan trong công tác kiểm tra và xử lý vi phạm quy định pháp luật về quản lý sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông trên địa bàn tỉnh.

4. Khi thẩm định các quy hoạch, đề án... xây dựng mới các khu đô thị, khu dân cư, nhà cao tầng, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu du lịch, khu kinh tế và các công trình công cộng khác trên địa bàn tỉnh phải xem xét điều kiện về đầu tư hạ tầng sử dụng chung.

5. Thực hiện tổng hợp và cung cấp thông tin theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 24 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP.

Điều 14. Sở Công thương

Tham gia phối hợp với các cơ quan có liên quan trong công tác kiểm tra và xử lý vi phạm quy định pháp luật về quản lý sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông có liên quan đến ngành điện (nội dung an toàn điện).

Điều 15. Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan có liên quan hướng dẫn trình tự, thủ tục đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 Quy định này.

2. Phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật về đầu tư hạ tầng kỹ thuật viễn thông khi có yêu cầu.

Điều 16. Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan thẩm định, tham mưu UBND tỉnh quyết định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được đầu tư xây dựng từ nguồn ngân sách nhà nước trên cơ sở phương án giá thuê do chủ sở hữu hoặc đơn vị được giao quản lý công trình lập.

2. Chủ trì thực hiện các công tác theo quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 4 Điều 14 Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT.

Điều 17. Sở Giao thông Vận tải

1. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong việc xây dựng quy hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông sử dụng chung có liên quan đến hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh.

2. Hướng dẫn xin phép thi công cho các tổ chức, cá nhân đầu tư, thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông sử dụng chung như xây dựng cột treo cáp viễn thông, hệ thống cống, bể ngầm dọc theo các tuyến giao thông.

3. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan có liên quan trong công tác kiểm tra và xử lý vi phạm quy định pháp luật về quản lý sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông có liên quan đến ngành giao thông.

Điều 18. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

1. Phối hợp với các Sở, Ngành thực hiện việc quy hoạch xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông sử dụng chung trên địa bàn được giao quản lý.

2. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện các thiết kế và xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông sử dụng chung trên địa bàn được giao quản lý.

3. Phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện công tác kiểm tra, xử lý vi phạm trong xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông sử dụng chung trên địa bàn được giao quản lý.

Điều 19. UBND các huyện, thị xã, thành phố

1. Phối hợp với các Sở, Ngành thực hiện việc quy hoạch xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông sử dụng chung có liên quan đến địa phương;

2. Hàng năm, căn cứ Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động đã được UBND tỉnh phê duyệt, tiến hành xây dựng kế hoạch ngầm hóa mạng cáp viễn thông tại các khu vực đô thị trung tâm, các tuyến đường trọng yếu, các tuyến cần bảo đảm mỹ quan. Chậm nhất là ngày 30 tháng 11 gửi về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp và yêu cầu các doanh nghiệp triển khai thực hiện.

3. Hướng dẫn, hỗ trợ thủ tục pháp lý và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông sử dụng chung theo đúng quy hoạch.

4. Chỉ đạo các đơn vị chức năng tăng cường giám sát các công trình xây dựng đảm bảo có hạ tầng kỹ thuật viễn thông sử dụng chung; thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra việc xây dựng các công trình đúng quy định của pháp luật.

Điều 20. Các đơn vị sở hữu, quản lý vận hành và sử dụng hạ tầng kỹ thuật viễn thông dùng chung

1. Chủ sở hữu các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông dùng chung có trách nhiệm chủ trì xây dựng khung giá thuê và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để áp dụng chung trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 10 Quy định này.

2. Chủ sở hữu các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông dùng chung có trách nhiệm và quyền hạn theo các quy định tại Điều 19 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP.

3. Đơn vị quản lý vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông dùng chung có trách nhiệm và quyền hạn theo các quy định tại Điều 20 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP.

4. Các tổ chức, cá nhân tham gia sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông có trách nhiệm và quyền hạn theo các quy định tại Điều 21 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp và trình UBND tỉnh xem xét giải quyết.

Điều 22. Quy định chuyển tiếp

1. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, nếu các dự án nhà cao tầng, nhà chung cư và công trình hạ tầng khác có nhiều người sử dụng đã được phê duyệt mà chưa có thiết kế hệ thống hạ tầng kỹ thuật viễn thông thì chủ đầu tư phải phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông xem xét bổ sung thiết kế, triển khai xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật viễn thông sử dụng chung để cung cấp dịch vụ tại các công trình nêu trên.

2. Đối với các khu vực còn tồn tại treo cáp viễn thông, chưa đến thời điểm thực hiện ngầm hóa theo lộ trình, Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan chỉ đạo các đơn vị sở hữu, quản lý và sử dụng hạ tầng treo cáp thực hiện tiến hành vệ sinh, bó gọn cáp viễn thông để đảm bảo an toàn và mỹ quan đô thị./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Bình